

Số: 3239/SNN&PTNT-TT

V/v báo cáo kết quả thực hiện nội dung chất vấn tại các kỳ họp HĐND tỉnh, nhiệm kỳ 2011-2016.

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 11 năm 2015

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 242/CV-HĐND, ngày 16/11/2015 của HĐND nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc báo cáo kết quả thực hiện nội dung chất vấn tại các kỳ họp HĐND tỉnh, nhiệm kỳ 2011-2016, Sở Nông nghiệp và PTNT xin báo cáo HĐND tỉnh kết quả thực hiện các nội dung đã được chất vấn, như sau:

**I. Nội dung 1: Việc khắc phục tình trạng một số hộ nông dân ở một số địa phương bỏ ruộng không sản xuất.**

Tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 12 năm 2013) HĐND tỉnh khóa XVI, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT đã trả lời chất vấn về nội dung “Hiện tượng một số hộ nông dân ở một số địa phương bỏ ruộng không sản xuất”, trong đó đã nêu rõ về thực trạng, nguyên nhân, trách nhiệm và các biện pháp khắc phục. Từ sau Kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh đến nay, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và Chủ tịch HĐND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các ngành, các địa phương thực hiện nhiều biện pháp để khắc phục hiện tượng các hộ nông dân bỏ ruộng không sản xuất và đạt được những kết quả tích cực.

Theo báo cáo của các địa phương, đến năm 2013 trên địa bàn tỉnh có 8 huyện (Nông Cống, Hà Trung, Thiệu Hoá, Nga Sơn, Quảng Xương, Hoằng Hoá, Hậu Lộc, Tĩnh Gia), thị xã Bim Sơn, thị xã Sầm Sơn và thành phố Thanh Hoá có tình trạng nông dân bỏ ruộng không sản xuất, với diện tích là 1.104,7 ha. Đến nay toàn tỉnh còn 3 huyện (Hậu Lộc, Hoằng Hóa, Thiệu Hóa) và thành phố Thanh Hóa còn hiện tượng nông dân bỏ ruộng không sản xuất, với diện tích 183,6 ha. Ngoài ra, còn có số ít diện tích nhỏ lẻ không sản xuất thường xuyên ở huyện Hà Trung, thị xã Bim Sơn và một số huyện khác do bị ngập úng, xen kẹt,... Như vậy, hiện tượng nông dân bỏ ruộng không sản xuất đã cơ bản được khắc phục ở 5 huyện và 2 thị xã; diện tích đất được đưa vào sản xuất là 911,1 ha, đạt 82,5%.

Cụ thể các đơn vị còn có diện tích bỏ ruộng không sản xuất là:

- Huyện Hậu Lộc: diện tích ruộng bỏ không sản xuất là 93 ha, tập trung tại xã Tiến Lộc. Nguyên nhân là do lao động tại xã chuyển sang làm nghề rèn truyền thống, có thu nhập cao hơn.

- Huyện Thiệu Hóa: diện tích ruộng bỏ không sản xuất là 16 ha, tập trung tại xã Thiệu Giao. Nguyên nhân do lao động đi làm ăn xa, có thu nhập cao hơn, diện tích ruộng của các hộ này được cho các hộ gia đình ở nhà mượn để sản xuất, nên việc sản xuất không liên tục, ổn định.

- Huyện Hoằng Hóa: diện tích ruộng bỏ không sản xuất là 28,1 ha, tại các xã: Hoằng Khánh 4,1 ha, Hoằng Thái 5 ha, Hoằng Lưu 11 ha, Hoằng Tân 3,5 ha,

Hoàng Yên 4,5 ha. Nguyên nhân không sản xuất tại các xã Hoàng Lưu, Hoàng Tân do bị ngập mặn; tại các xã còn lại là diện tích đất gò cao hoặc sâu trũng, chỉ sản xuất được 1 vụ không ăn chắc, 1 vụ không sản xuất.

- Thành phố Thanh Hóa: diện tích ruộng bỏ không sản xuất là 56,5 ha, tập trung tại xã Quảng Thịnh. Nguyên nhân do bị nguồn nước thải từ các bệnh viện, các đơn vị đóng trên địa bàn chảy ra gây ô nhiễm không sản xuất được.

Nhìn chung, từ sau Kỳ họp thứ 8 Hội đồng nhân dân tỉnh đến nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đã cùng với các ngành, các địa phương, các tổ chức đoàn thể và các doanh nghiệp triển khai, thực hiện nhiều giải pháp tích cực để hỗ trợ nông dân giải quyết khó khăn, nâng cao hiệu quả của sản xuất nhằm khắc phục tình trạng bỏ ruộng không sản xuất. Cụ thể:

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu và đề xuất UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ sản xuất. Chỉ đạo các địa phương kết hợp chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với việc xây dựng, thiết kế lại đồng ruộng, đẩy mạnh việc dồn điền, đổi thửa để tạo điều kiện áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, áp dụng cơ giới hóa nhằm giảm chi phí và nâng cao hiệu quả của sản xuất. Tích cực tuyên truyền, vận động nông dân; hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi đến hộ nông dân, công tác bảo quản chế biến, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất như máy cấy, cơ giới hóa đồng bộ, chương trình IPM, ICM, SRI ... Xây dựng các chuyên trang chuyên mục trên Báo Thanh Hóa và Đài phát thanh truyền hình tỉnh, trên trang Website của Sở Nông nghiệp và PTNT. Kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, chỉ đạo liên kết sản xuất gắn với bao tiêu sản phẩm cho nông dân; đáp ứng các yêu cầu về vật tư cho sản xuất,...

- Nhiều huyện đã thực hiện các giải pháp nhằm hạn chế tình trạng nông dân bỏ ruộng không sản xuất, như: huyện Hoàng Hóa đã xây dựng đề án và ban hành Nghị quyết nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, vận động nông dân vùng thiếu lao động cho doanh nghiệp (Công ty Cổ phần Công Nông nghiệp Tiến Nông) thuê đất để xây dựng cánh đồng lớn, áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất; huyện Hậu Lộc triển khai thực hiện đề án khắc phục tình trạng nông dân bỏ ruộng; huyện Quảng Xương hỗ trợ giống mới khuyến khích sản xuất phát triển; huyện Nông Cống ban hành nghị quyết về đổi mới mùa vụ gắn với thay đổi cơ cấu giống lúa; thành phố Thanh Hóa, thị xã Bỉm Sơn chỉ đạo khắc phục xen kẹt giữa các khu công nghiệp, đô thị; các huyện Yên Định, Thọ Xuân, Nga Sơn, Hậu Lộc, Triệu Sơn tích cực đầu mối với các doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm đầu ra cho nông dân, ...

Tuy vậy, hiện tượng bỏ ruộng vẫn chưa được giải quyết dứt điểm, do việc chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và thương mại dẫn đến hiện tượng thiếu lao động sản xuất nông nghiệp; tác động của nắng hạn, ngập úng, dịch bệnh ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp;... Mặt khác, tâm lý giữ đất của nông dân còn khá phổ biến, dẫn đến công tác thu hồi, cho thuê, chuyển nhượng để sản xuất hàng hóa lớn còn gặp khó khăn.

**II. Nội dung 2: Việc khắc phục những hạn chế, bất cập trong công tác quản lý nhà nước về vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp; đặc biệt tình trạng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi chất lượng kém và có cả hàng giả trên thị trường, gây tổn hại đến kinh tế của người dân.**

Theo quy định của pháp luật, các loại vật tư nông nghiệp thuộc đối tượng quản lý của ngành Nông nghiệp và PTNT gồm: giống cây trồng, phân bón hữu cơ và phân bón khác (phân bón vô cơ thuộc ngành Công thương quản lý), thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi.

Tỉnh Thanh Hóa có địa hình khác nhau, cây trồng đa dạng, diện tích sản xuất nông nghiệp lớn, đàn gia súc, gia cầm số lượng nhiều, do đó nhu cầu sử dụng lượng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và thức ăn chăn nuôi hàng năm lớn nên công tác quản lý nhà nước còn gặp nhiều khó khăn, bất cập. Tuy nhiên xác định tầm quan trọng của vật tư nông nghiệp đối với sản xuất và đời sống nhân dân, trong những năm qua, nhất là từ sau Kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh khóa XVI, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tập trung chỉ đạo các phòng chuyên môn, các chi cục và phối hợp với các ngành, các địa phương tăng cường công tác quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp, đảm bảo cho sản xuất phát triển, bảo vệ môi trường và sức khỏe cho nhân dân. Sở Nông nghiệp và PTNT xin báo cáo kết quả thực hiện nội dung chất vấn tại các kỳ họp HĐND tỉnh, nhiệm kỳ 2011-2016, như sau:

### **1. Thực trạng cung ứng vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh**

#### **1.1. Giống cây trồng**

Tổng diện tích gieo trồng hàng năm toàn tỉnh từ 445.000 - 450.000 ha cây trồng các loại; do đó lượng giống cây trồng được sử dụng lớn, bình quân mỗi năm sử dụng 11.000 tấn giống lúa (4.500 tấn giống lúa lai, 6.500 tấn giống lúa thuần các loại), gần 1.000 tấn giống ngô các loại, 2.000 tấn giống lạc, 600 tấn giống đậu tương, còn lại các giống cây trồng khác như khoai tây, rau các loại, ...

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 218 đơn vị, cá nhân tham gia sản xuất, kinh doanh giống cây trồng nông nghiệp, trong đó: có 3 đơn vị vừa sản xuất, vừa kinh doanh giống cây trồng nông nghiệp (Công ty cổ phần giống cây trồng Thanh Hóa, Chi nhánh Công ty giống cây trồng Trung ương, Công ty giống cây trồng Bắc Trung bộ); có 20 đơn vị ngoài tỉnh kinh doanh giống cây trồng vào địa bàn tỉnh và 195 đơn vị, hộ kinh doanh trong tỉnh. Các đơn vị sản xuất giống trong tỉnh cung ứng khoảng 35% nhu cầu; lượng giống do các đơn vị sản xuất, kinh doanh ngoài tỉnh cung ứng 55%; còn lại hộ nông dân chủ động tự đề và trao đổi khoảng 10%.

#### **1.2. Phân bón hữu cơ và phân bón khác:**

Từ năm 2013, việc quản lý nhà nước đối với phân bón vô cơ thuộc trách nhiệm của ngành Công thương; ngành Nông nghiệp quản lý trực tiếp phân bón hữu cơ và phân bón khác. Hiện nay toàn tỉnh có 4 đơn vị sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác được Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thủ tục công bố hợp quy và tiếp nhận hợp quy sản phẩm đúng quy định; trong đó có 2 đơn vị sản xuất phân bón hữu cơ là Công ty phân bón hữu cơ Lam Sơn và Công ty Lam Sơn Như Xuân chủ yếu sản xuất để phục vụ vùng nguyên liệu mía đường của

Công ty cổ phần Mía đường Lam Sơn; 2 đơn vị còn lại là Công ty Đất Việt và Công ty cổ phần phân bón hữu cơ Miền Trung; tổng sản lượng sản xuất của các đơn vị dao động từ nghìn 20-21 nghìn tấn/năm. Đối tượng cây trồng chủ yếu sử dụng phân hữu cơ vi sinh là mía, dứa, rau quả các loại.

### **1.3. Thuốc bảo vệ thực vật (BVTV)**

Theo ước tính của Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh, bình quân giai đoạn 2011-2015, hàng năm toàn tỉnh sử dụng khoảng 265,2 tấn thuốc BVTV; Tuy nhiên trong 2 năm 2014 và 2015, tỷ lệ và mức độ sâu bệnh hại thấp nên lượng thuốc BVTV sử dụng thấp hơn so với trung bình nhiều năm trước, năm 2014 khoảng 146 tấn; năm 2015 sử dụng khoảng 110 tấn thuốc BVTV, nhờ đó đã tiết kiệm khoảng 300 tỷ đồng/năm. Việc cung ứng thuốc BVTV chủ yếu là hệ thống đại lý, cửa hàng bán lẻ; hiện trên địa bàn tỉnh có 6 công ty kinh doanh và 638 đại lý, cửa hàng bán lẻ thuốc BVTV.

### **1.4. Thức ăn chăn nuôi (TĂCN)**

Nhu cầu thức ăn tinh cho đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh khoảng 1,4-1,5 triệu tấn/năm. Trong đó, thức ăn công nghiệp chiếm khoảng 400 nghìn tấn (chăn nuôi lợn khoảng 300 nghìn tấn, gia cầm khoảng 100 nghìn tấn).

Toàn tỉnh hiện có 7 nhà máy sản xuất, kinh doanh TĂCN, hàng năm cung cấp khoảng 20% nhu cầu thức ăn chăn nuôi công nghiệp trong tỉnh; lượng TĂCN công nghiệp còn lại (80%) là do các đơn vị ngoài tỉnh cung cấp; toàn tỉnh hiện có khoảng 1.120 cơ sở đại lý, kinh doanh TĂCN. Nhờ có đủ số lượng TĂCN công nghiệp cung cấp trên địa bàn tỉnh nên đã góp phần tích cực thúc đẩy chăn nuôi trang trại, gia trại phát triển.

## **2. Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với vật tư nông nghiệp**

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tích cực tham mưu, đầu mối, hướng dẫn, thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước về sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh và thực hiện nghiêm sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, tập trung cao độ phục vụ sản xuất; trong đó không ngừng tăng cường công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp theo các nội dung:

### **2.1. Công tác phổ biến tuyên truyền pháp luật:**

Đã cung cấp sách “Một số văn bản pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp” NXB Nông nghiệp - Hà Nội, tháng 12/2014 cho cán bộ phụ trách công tác quản lý chất lượng ở các địa phương, đơn vị, doanh nghiệp; in ấn và phát hành 1.000 bộ tài liệu quản lý và sử dụng thuốc BVTV an toàn hiệu quả; các văn bản pháp luật mới về quản lý thuốc BVTV cho cán bộ lãnh đạo xã, các đại lý kinh doanh thuốc BVTV và 1.500 bản hướng dẫn kỹ thuật sử dụng thuốc BVTV cho nông dân.

Đã phối hợp chặt chẽ với Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh thường xuyên mở các chuyên mục, chuyên trang phổ biến, tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật. Quản lý chặt chẽ nội dung quảng cáo thuốc BVTV cho các đơn vị kinh doanh thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh. Công khai các cơ sở

vi phạm về chất lượng giống trên các phương tiện thông tin đại chúng và trang Website của Sở Nông nghiệp và PTNT.

Hàng năm Sở Nông nghiệp và PTNT đã mời Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, nhất là các văn bản mới như Luật Bảo Vệ và Kiểm dịch thực vật, các văn bản dưới luật đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân để các quy định sớm được triển khai vào cuộc sống. Thẩm định nội dung và cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo khuyến nông, khuyến cáo sử dụng phân bón hiệu quả, hạn chế ô nhiễm môi trường ở địa phương; Tiếp nhận công bố hợp quy về điều kiện sản xuất và chất lượng phân bón của các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu phân bón hữu cơ và phân bón khác theo quy định.

### *2.2. Công tác tham mưu:*

Đã tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch sản xuất ngành trồng trọt hàng năm, các văn bản chỉ đạo thực hiện công tác quản lý nhà nước về giống cây trồng, phân bón hữu cơ, thuốc BVTV, Quyết định số 1998/QĐ-UBND, ngày 02/6/2015 về phân công, phân cấp nhiệm vụ kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện VSATTP và quản lý đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 06/5/2014 về nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh;

### *2.3. Công tác hướng dẫn, tập huấn kỹ thuật:*

Giai đoạn 2011- 2015, Sở Nông nghiệp và PTNT đã chủ trì phối hợp với các ngành và các địa phương tổ chức được 4.300 lớp tập huấn kỹ thuật sản xuất trên các lĩnh vực với trên 220.000 lượt học viên tham gia (chủ yếu là cán bộ khuyến nông viên cơ sở, khuyến nông viên thôn bản và nông dân trực tiếp sản xuất); nội dung chủ yếu là kỹ thuật sản xuất cây con các loại, công tác bảo quản chế biến, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất như mạ khay, máy cấy, cơ giới hóa đồng bộ, chương trình IPM, ICM, SRI; Tổ chức tập huấn về quản lý thuốc BVTV cho cán bộ lãnh đạo xã, các đại lý buôn bán thuốc BVTV tại các huyện: Vĩnh Lộc, Thạch Thành, Thọ Xuân, Hậu Lộc, Hà Trung, Đông Sơn và thành phố Thanh Hóa với 350 lượt người tham dự. Hướng dẫn kỹ thuật về sử dụng thuốc BVTV hiệu quả, an toàn cho nông dân và các đại lý bán hàng tại các huyện: Yên Định, Thọ Xuân, Quảng Xương, Thiệu Hóa, Thạch Thành, Vĩnh Lộc, Hậu Lộc, Nga Sơn, Hoằng Hóa; với 12.478 lượt người tham dự.

Phối hợp với Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tổ chức tuyên truyền, giới thiệu các loại giống tốt phục vụ cho sản xuất, đặc biệt là các giống lúa có năng suất chất lượng cao, kỹ thuật bón các loại phân, kỹ thuật sử dụng các loại thuốc BVTV đúng quy định và hiệu quả. Xây dựng các mô hình liên kết để đưa các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đến với nông dân, hình thành nhiều chuỗi giá trị, quy mô lớn từ sản xuất đến tiêu thụ nông sản cho nông dân tại các huyện: Yên Định, Hoằng Hóa, Nông Công, Quảng Xương, Thọ Xuân, Thiệu Hóa, Triệu Sơn.

### *2.4. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm:*

Công tác thanh tra kiểm tra, xử lý vi phạm được quan tâm, giai đoạn 2011-2015 Sở Nông nghiệp và PTNT đã thực hiện thanh tra, kiểm tra 53 cuộc, trong đó:

Lĩnh vực giống cây trồng: tiến hành 10 cuộc thanh kiểm tra (bình quân 2 cuộc/năm) trên tổng số 360 lượt cơ sở sản xuất, kinh doanh giống: nội dung kiểm tra về điều kiện sản xuất kinh doanh, chủng loại hàng hóa, kiểm tra vi phạm, gian lận thương mại và lấy mẫu kiểm tra chất lượng, tổng số đã lấy 566 mẫu; kết quả đã xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật trong đó: xử lý vi phạm điều kiện sản xuất kinh doanh, tem nhãn sai quy định 103 cơ sở, chiếm tỷ lệ 28,6%, và chủ yếu là các cơ sở kinh doanh trên địa bàn; xử lý vi phạm chất lượng giống 122 mẫu, chiếm tỷ lệ 21,5%, hầu hết bị các lỗi như hạt cỏ dại quá quy định cho phép, tỷ lệ nảy mầm thấp hơn mức quy định, thiếu hồ sơ, thủ tục lưu thông hàng hóa, tem nhãn sai quy định; tổng kinh phí xử phạt 524.690.000 đồng.

Lĩnh vực phân bón: tiến hành 08 cuộc thanh kiểm tra (riêng năm 2014 do chuyển đổi trách nhiệm quản lý theo Nghị định 202/NĐ-CP và chưa có văn bản hướng dẫn nên không tổ chức kiểm tra) trên tổng số 186 lượt cơ sở sản xuất, kinh doanh: nội dung kiểm tra về điều kiện sản xuất kinh doanh, chủng loại hàng hóa, kiểm tra vi phạm, gian lận thương mại và lấy mẫu kiểm tra chất lượng, tổng số đã lấy 188 mẫu; kết quả đã xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật trong đó: xử lý vi phạm điều kiện sản xuất kinh doanh, tem nhãn sai quy định 24 cơ sở, chiếm tỷ lệ 12,9%, xử lý vi phạm chất lượng 26 mẫu, chiếm tỷ lệ 13,8%; tổng kinh phí xử phạt 299.490.000 đồng.

Lĩnh vực BVTV: Tiến hành thanh tra 27 đợt tại 1.214 lượt cơ sở sản xuất, kinh doanh, xử lý vi phạm 200 lượt cơ sở, trong đó chủ yếu là các địa lý kinh doanh thuốc BVTV tại các địa phương (154 trường hợp/200 trường hợp vi phạm, chiếm 77%), phạt tiền 397.000.000 đồng; kiểm tra 1.440 hộ dùng thuốc, nhắc nhở, xử lý 580 hộ sử dụng thuốc BVTV chưa đúng nguyên tắc; thu hồi xử lý 1907 lít và 1.666,75 kg thuốc BVTV quá hạn sử dụng, vi phạm chất lượng.

Lĩnh vực thức ăn chăn nuôi: Từ năm 2012 đến nay đã tiến hành 8 đợt thanh kiểm tra trên tổng số 306 lượt cơ sở sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi; nội dung kiểm tra về điều kiện sản xuất kinh doanh, chủng loại hàng hóa, kiểm tra vi phạm, gian lận thương mại và lấy mẫu kiểm tra chất lượng; tổng số đã lấy 625 mẫu; kết quả đã xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật trong đó: xử lý vi phạm điều kiện sản xuất kinh doanh, tem nhãn sai quy định 76 lượt cơ sở, xử lý vi phạm chất lượng 89 mẫu; tổng kinh phí xử phạt 745.655.000 đồng.

Qua tổng hợp kết quả công tác thanh kiểm tra cho thấy về chủng loại, tên các loại giống cây trồng chính, loại phân bón, thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh đều được kiểm tra, lấy mẫu; song do địa bàn rộng, số lượng giống, phân bón, vật tư nông nghiệp cần nhiều, trong khi điều kiện địa bàn rộng, nên vẫn còn nhiều lô hàng hóa đưa trực tiếp xuống các đại lý ở địa phương cơ sở chưa kiểm soát hết được. Tuy vậy thông qua việc tăng cường thanh tra, kiểm tra đã có những chuyển biến tích cực: số lượng, tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, chất lượng sản phẩm bị vi phạm giảm đáng kể: điển hình như đối với lĩnh vực giống cây trồng năm 2011 có 44 mẫu trên 32 cơ sở vi phạm đến năm 2014 có 17 mẫu trên 15 cơ sở vi phạm; lĩnh

vực thức ăn chăn nuôi năm 2012 có 30 cơ sở và 27 mẫu vi phạm đến năm 2014 chỉ có 17 cơ sở và 15 mẫu vi phạm...;

### **3. Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với vật tư nông nghiệp:**

Hàng năm, Sở đã tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch, phương án sản xuất, ban hành các văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện quản lý vật tư nông nghiệp đúng quy định; Phân công cụ thể Lãnh đạo Sở chỉ đạo công tác phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc các địa phương triển khai các nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất về quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất kịp thời và hiệu quả. Triển khai ký kết và tổ chức thực hiện Chương trình phối hợp giữa ngành Nông nghiệp và PTNT, Sở Công thương với Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2015-2020 nhằm huy động cộng đồng và cả hệ thống chính trị cùng tham gia quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp.

Đã xây dựng Kế hoạch, ban hành văn bản, triển khai thực hiện công tác quản lý vật tư nông nghiệp theo phân cấp; làm cơ sở đề UBND cấp huyện chỉ đạo UBND các xã thực hiện chức năng quản lý vật tư nông nghiệp trên địa bàn.

Thực hiện kiểm tra, giám sát các cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp; chỉ đạo thực hiện kế hoạch, phương án sản xuất nông nghiệp, tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân về sử dụng vật tư nông nghiệp đúng quy định, hiệu quả; bố trí kinh phí để thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra.

Đã thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành về vật tư nông nghiệp; tiến hành thanh tra, kiểm tra nhất là tăng cường kiểm tra đột xuất các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp đóng trên địa bàn và xử lý theo quy định.

Phối hợp với UBND cấp huyện chỉ đạo các xã thực hiện công tác kiểm tra và giám sát cộng đồng, tích cực phát hiện, đấu tranh với các hành vi sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp kém chất lượng, thực hiện việc quản lý các hộ kinh doanh nhỏ lẻ trên địa bàn đồng thời hướng dẫn chỉ đạo các xã, HTX xây dựng các mô hình trình diễn, tập huấn, hướng dẫn nông dân sử dụng vật tư nông nghiệp hiệu quả, an toàn; đấu mối với các doanh nghiệp liên kết cung ứng vật tư nông nghiệp và thu mua, tiêu thụ nông sản cho nông dân trên địa bàn.

### **III. Một số đề nghị, đề xuất**

Mặc dù việc khắc phục tình trạng nông dân ở một số địa phương bỏ ruộng không sản xuất và khắc phục những hạn chế, bất cập trong công tác quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp kể từ sau Kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh khóa XVI đến nay đã đạt được kết quả đáng kể, tuy vậy hiện tượng bỏ ruộng không sản xuất vẫn chưa được giải quyết dứt điểm; mặt khác vẫn còn những hộ nông dân mua phải vật tư nông nghiệp chưa đảm bảo chất lượng theo quy định, hoặc trong quá trình sản xuất còn sử dụng chưa đúng kỹ thuật dẫn đến hiệu quả chưa cao. Những việc trên còn đòi hỏi sự tăng cường hơn nữa của Sở Nông nghiệp và PTNT và UBND các cấp cũng như sự phối hợp chặt chẽ của các ngành có liên quan.

Để thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng đất nông nghiệp, khắc phục tình trạng bỏ ruộng không sản xuất và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản

lý nhà nước về vật tư nông nghiệp, Sở Nông Nghiệp và PTNT xin kính đề nghị một số nội dung sau:

1. HĐND tỉnh, UBND tỉnh cần ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, giai đoạn 2016-2020; cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020 để giúp nông dân có điều kiện sản xuất mang lại hiệu quả cao, góp phần phát triển kinh tế xã hội và xây dựng nông thôn mới

2. Đề nghị Ban Pháp chế HĐND tỉnh chỉ đạo Ban Pháp chế HĐND các huyện tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với lĩnh vực nông nghiệp của các huyện, nhất là việc cấp giấy phép đăng ký kinh doanh, tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm các cơ sở, hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn.

3. Đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố tích cực triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đề án chuyển đổi linh hoạt đất lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác và nuôi trồng thủy sản; tập trung đầu tư phát triển những loại cây trồng, vật nuôi là lợi thế của địa phương có thể đem lại giá trị kinh tế cao; tổ chức vận động các hộ gia đình, người sử dụng đất sản xuất, hoặc cho thuê, cho mượn để sản xuất, không bỏ hoang; trong trường hợp cố tình không thực hiện cần phối hợp với các ngành có liên quan thực hiện việc thu hồi theo Điều 64 Luật đất đai năm 2013.

3. Đề nghị Sở Công thương phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và PTNT và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tốt việc tuyên truyền hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật sử dụng phân bón vô cơ hiệu quả cho nông dân và tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra chất lượng phân bón vô cơ.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nội dung chất vấn tại các kỳ họp HĐND tỉnh, nhiệm kỳ 2011-2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT trình HĐND tỉnh ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, TT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lê Văn Đốc**